**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN T**
**TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản số: 211/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 19-06-2025
Về việc: "Yêu cầu không công nhận vợ chồng..." .

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Trần Thị Bích Thủy

*Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền và ông Đặng Văn Thái

***-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*:** Ông Tô Tấn Cường– Cán bộ Toà án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

***-VKSND huyện Tuy Phước tham gia phiên tòa :*** Bà Trần Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 73/2025/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 3 năm 2025, về việc: "Yêu cầu không công nhận vợ chồng". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2025/QĐXXST- HNGĐ, ngày 23 tháng 5 năm 2025; của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định; giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Trần Quốc Q, sinh năm 1976, có đơn xin vắng mặt.
CMND:211482874
Địa chỉ:Thôn M, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định . .
*Bị đơn* Lê Thị Bảy, sinh năm 1977, có mặt.
CCCD: 5217701978
Địa chỉ: Thôn M, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo Nguyên đơn anh Trần Quốc Q có đơn xin vắng mặt, nhưng tại đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 12 năm 2024, tại các bản khai Nguyên đơn trình bày*: Giữa anh với chị Lê Thị Btự tìm hiểu thời gian, chung sống từ năm 1998 được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình vợ chồng chung sống với nhau nhưng không hạnh phúc, vì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, anh đi làm suốt về thì vợ anh không quan tâm mà kình cãi là vợ anh bỏ đi một thời gian, để con anh ở nhà, rồi lại về, rồi lại đi. Nhiều lần như vậy xảy ra, đợt kình cãi lần này cách đây 05

năm vợ anh, chị Lê Thị Btiếp tục bỏ đi và không chung sống với nhau từ 05 năm nay, các con vẫn ở cùng anh, vợ chồng anh không còn tình cảm nên không thể chung sống với nhau. Thời gian qua vợ anh và anh không quan tâm gì đến nhau, mà không có đăng ký kết hôn nên anh đề nghị Tòa không công nhận anh với bà Lê Thị Blà vợ chồng. Về con chung: Giữa anh và chị Bcó 02 con chung tên là Trần Minh Ch, sinh ngày 08/7/1999, Trần Thị Thu T1, sinh ngày 05/8/2009, hiện cháu T1 đang ở cùng anh, còn cháu Ch đã trưởng thành. Nay anh Q xin nuôi cháu T1, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Giữa anh và chị Bcó tài sản chung, nhưng không yêu cầu giải quyết, vợ chồng anh có nợ chung nợ Quỹ Tín dụng nhân dân Phước Sơn 850.000.000đ, nợ mẹ anh là Võ Thị Trang 67 chỉ vàng , nhưng họ không yêu cầu giải quyết nên anh cũng không yêu cầu Tòa giải quyết. Ngoài ra anh Q không khai và không yêu cầu gì khác.

*Tại tại phiên tòa bị đơn chị Lê Thị Btrình bày:* Giữa chị với Trần Quốc Q tự tìm hiểu được gia đình tổ chức lễ cưới, vợ chồng chung sống từ năm1998, nhưng không có đăng ký kết hôn. Đến năm 2020 thì vợ chồng chị mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Q thường xuyên đi làm, tự vay tiền về bảo chị ký, không nói cho chị biết việc làm ăn, cũng không cho chị đứng tên trong giấy tờ nhà đất, anh còn có tính cờ bạc, nên giữa anh Q và chị thường xuyên cãi nhau và không chung sống với nhau từ năm 2020 cho đến nay. Do vậy anh Q yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị và anh Trần Quốc Q là vợ chồng thì chị đồng ý.

Về con chung: Giữa chị và anh Q có 02 con chung tên là Trần Minh Ch, sinh ngày 08/7/1999, Trần Thị Thu T1, sinh ngày 05/8/2009, hiện cháu T1 đang ở cùng anh Q, còn cháu Ch đã trưởng thành. Nay anh Q xin nuôi cháu T1 thì chị đồng ý. Về cấp dưỡng: Anh Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên chị không có ý kiến.Về tài sản chung: Vợ chồng chị có tài sản chung nhưng không yêu cầu giải quyết, hiện nay anh Q đã lấy tài sản của chị và anh Q đi thế chấp và vay tại Quỹ tín dụng xã Phước Sơn, khi chị đi thì anh Q yêu cầu các con chị đến ký để anh Q vay với tư cách người thừa kế. Chị có đến Quỹ Tín dụng Phước Sơn để yêu cầu không được cho anh Q vay trên tài sản của chị. Tuy nhiên tại phiên tòa nay chị Bkhông yêu cầu giải quyết tài sản trong vụ án này và chị sẽ kiện bằng vụ kiện khác. Ngoài ra chị Bkhông khai và không yêu cầu gì khác.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của anh Q không công nhận mối quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Quốc Q và chị Lê Thị Blà vợ chồng.Về quan hệ nuôi con chung: Giữa chị Bvà anh Q có 02 con chung tên là Trần Minh Ch, sinh ngày 08/7/1999, Trần Thị Thu T1, sinh ngày 05/8/2009, hiện cháu T1 đang ở cùng anh Q, còn cháu Ch đã trưởng thành. Nay anh Q xin nuôi cháu T1 thì chị đồng ý nên đề nghị

Toà giao cháu T1 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, Riêng cháu Ch đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Tòa không xét. Về quan hệ tài sản chung: Chị Bvà anh Q không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Tòa không xét. Đối với Quỹ tín dụng xã Phước Sơn và bà Võ Thị Trang không yêu cầu giải quyết các khoản nợ trong vụ án này nên đề nghị Tòa không xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Quốc Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu Tòa không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà với chị Lê Thị Blà vợ chồng, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là chị Lê Thị Bcư trú tại Thôn M, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung vụ án:

[2].1 Xét yêu cầu của anh Trần Quốc Q về việc không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh với chị Lê Thị Blà vợ chồng thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa anh Trần Quốc Q và chị Lê Thị Btự tìm hiểu được gia đình tổ chức Lễ cưới và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1998, không có đăng ký kết hôn. Theo anh Q và chị Bkhai trong thời gian sống chung anh chị thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã nhiều lần. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không hòa giải được. Qua xác minh tại UBND xã Phước Sơn không có căn cứ anh Q với chị Bcó đăng ký kết hôn tại UBND xã, mối quan hệ giữa anh Q và chị Bkhông được thực hiện đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền vì vậy Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu của anh Q về việc yêu cầu Tòa không công nhận mối quan hệ hôn nhân giữa anh Q với chị Blà vợ chồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2].2 Về quan hệ nuôi con chung: Giữa chị Bvà anh Q có 02 con chung tên là Trần Minh Ch, sinh ngày 08/7/1999, Trần Thị Thu T1, sinh ngày 05/8/2009, hiện cháu T1 đang ở cùng anh Q. Nay anh Q yêu cầu được nuôi cháu T1 là phù hợp với nguyện vọng của cháu T1 và quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Về cấp dưỡng: Anh Q không yêu cầu nên Tòa không xét. Riêng cháu Ch đã trưởng thành hiện các con đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

[2].3 Về tài sản chung và nợ chung: Anh Q và chị Bđều khai có tài sản chung, nhưng không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, tại phiên tòa chị Bảy khai sẽ khởi kiện bằng vụ án khác, nên Tòa không xét. Về nợ chung: Quỹ tín dụng nhân dân xã

Phước Sơn và bà Võ Thị Trang không yêu cầu Tòa giải quyết trong vụ án này nên Tòa không xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc anh Q phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn để sung vào Ngân sách Nhà nước. Tiền tạm ứng án phí anh Q đã nộp được khấu trừ vào án phí.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên:*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 BLTTDS; Điều 14, 81,82,83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Quốc Q và chị Lê Thị Blà vợ chồng.

[2] Về quan hệ nuôi con chung: Anh Q và chị Bcó 02 con chung tên là Trần Minh Ch, sinh ngày 08/7/1999, Trần Thị Thu T1, sinh ngày 05/8/2009, hiện cháu T1 đang ở cùng anh Q. Giao cháu T1 cho anh Q Trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Anh Q không yêu cầu nên Tòa không xét. Riêng cháu Ch đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét. Bên không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như tiền cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Tòa không xét.

[4] Về án phí DSST: Buộc anh Q phải chịu 300.000đ về án phí ly hôn để sung vào Ngân sách Nhà nước.Tiền tạm ứng án phí anh Q đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0003066, ngày 12/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phước được khấu trừ vào tiền án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại Tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 19/6/2025). Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tống đạt hợp lệ.

*Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành. Nếu bên phải thi hành không thực hiện nghĩa vụ đã tuyên thì bên phải thi hành án còn phải chịu tiền*

*lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 tương ứng thời gian chậm thi hành.*

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Thành viên Hội đồng xét xử** **Thẩm phán–Chủ Tọa Phiên Tòa**

**Nguyễn Thị Thu Hiền** **Đặng văn Thái** **Trần Thị Bích Thủy**

**Nơi nhận :**
-Các bên đương sự
-VKSND huyện T
-Chi cục THADS huyện T
-Phòng GĐKT TAND tỉnh Bình Định .
-UBND xã Ph
-Lưu hồ sơ .

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**Trần Thị Bích Thủy**